

HƯỚNG DẪN

Thực hiện xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2020 và Quy trình công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2019-2020.

Văn Phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh hướng dẫn thực hiện xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và quy trình công nhận khu dân cư nông thôn kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2020. Cụ thể như sau:

I. Một số vấn đề chung:

1. Đối tượng áp dụng

- Là các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tiếp tục triển khai xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

- Hướng dẫn này áp dụng đối với các xã, các thôn, các khu dân cư trên địa bàn tỉnh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, có liên quan tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

2. Nguyên tắc thực hiện:

- Việc chỉ đạo, thực hiện xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và xét, công nhận Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo đúng điều kiện, trình tự, thủ tục; phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn địa điểm để xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”

- Lựa chọn khu dân cư tiêu biểu có mức độ đạt chuẩn các tiêu chí về hạ tầng ở mức cao; có các tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo, thu nhập bình quân đầu người/năm, tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm thường xuyên, tỷ lệ trẻ đến lớp đúng độ tuổi, tỷ lệ hộ dân tham gia bảo hiểm y tế phải cao hơn mức đạt chuẩn của Bộ tiêu chí.

- Đội ngũ cán bộ thôn và người dân trong khu nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm tích cực, chủ động, đồng tình hưởng ứng. Có ít nhất 80% số hộ đồng tình, tự nguyện, cam kết tham gia xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”.

- Các hộ gia đình trong khu dân cư phải gương mẫu nâng cao ý thức xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, đoàn kết, giữ gìn và phát huy bản sắc văn

hoá, thuần phong mỹ tục trong cộng đồng dân cư; các hộ gia đình sống hòa thuận, đoàn kết, thân thiện.

- Người dân chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy ước, hương ước thôn, bản; chủ động, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng của thôn và khu dân cư.

4. Thẩm quyền xét công nhận Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu :

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Thành phố quyết định công nhận Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu đạt chuẩn.

II. Các bước xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

Bước 1: Khảo sát lựa chọn địa điểm: Xã xem xét lựa chọn các thôn để tiến hành xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, nếu địa bàn thôn rộng không tập trung thì lựa chọn một khu dân cư tiêu biểu trong thôn đáp ứng cơ bản các tiêu chuẩn để lựa chọn xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”; UBND xã có văn bản đăng ký xây dựng khu dân cư kiểu mẫu gửi UBND huyện (theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo);

Bước 2: Sau khi đã lựa chọn được thôn để xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã phối hợp với Ban Phát triển thôn và các hộ gia đình tiến hành họp thôn và thông tin đầy đủ nội dung về xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”, những việc phải làm, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi khi tham gia để người dân và cộng đồng dân cư đóng góp ý kiến và thống nhất lựa chọn các nội dung để thực hiện trong khu dân cư (phương án chỉnh trang nhà cửa, quy hoạch vườn hộ từng gia đình, chỉnh trang hàng rào, đường làng, ngõ xóm và các nội dung khác cần thực hiện trong khu dân cư...)

Bước 3: Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã chủ trì phối hợp với thôn lập hồ sơ xây dựng phương án, dự toán (*Theo mẫu tờ trình số 02 kèm theo hướng dẫn*) trình UBND cấp huyện (Qua Văn phòng Điều phối xây dựng NTM huyện); UBND huyện giao cho các phòng chức năng thẩm định hồ sơ và phê duyệt dự toán, phương án theo quy định. (hồ sơ kèm theo cả danh sách các hộ đăng ký tham gia có ký tên). **Thời gian phê duyệt sau khi có Quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ xây dựng Khu dân cư kiểu mẫu là 45 ngày.**

Bước 4: UBND cấp huyện giao Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã làm chủ đầu tư; nếu đơn vị cấp xã không có khả năng, kinh nghiệm chỉ đạo xây dựng Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu có thể giao cho Văn phòng Điều phối hoặc các đoàn thể cấp huyện làm chủ đầu tư (UBND xã có trách nhiệm phối hợp thực hiện)

III. Bộ tiêu chí “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2020.

1. Ý nghĩa Bộ tiêu chí:

Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu nhằm tạo ra bộ mặt nông thôn khu dân cư có cảnh quan đường làng ngõ xóm sáng, xanh, sạch đẹp, công tác vệ sinh môi trường đảm bảo, hạ tầng thiết yếu khu dân cư được sử dụng, cải tạo, nâng cấp đúng quy trình; Nhà ở, vườn hộ, chuồng trại trong khu dân cư

được quy hoạch, chỉnh trang, gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ, sắp xếp hợp lý, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao, mô hình phát triển sản xuất và các hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả rõ nét; trình độ dân trí ngày càng cao, văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy, chất lượng gia đình văn hóa, thôn văn hóa được nâng lên, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên hơn; quy chế dân chủ cơ sở được phát huy, quốc phòng, an ninh trật tự nông thôn được bảo đảm; hệ thống chính trị cơ sở được củng cố, tăng cường.

2. Nội dung Bộ tiêu chí Khu dân cư kiểu mẫu

Thực hiện theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. (Gồm 7 tiêu chí và 21 chỉ tiêu)

III. Phương pháp xác định các chỉ tiêu của từng tiêu chí đạt chuẩn

1. Tiêu chí số 01: Nhà ở và vườn hộ gia đình

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Nhà ở và vườn hộ gia đình khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

1.1. Nhà ở và công trình phụ trợ

a) Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo Quy định của Bộ Xây dựng $\geq 90\%$.

Nhà ở nông thôn đạt chuẩn Bộ Xây dựng phải đảm bảo các yêu cầu sau: Nhà ở nông thôn phải đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng). Các bộ phận nền, khung, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy. Cụ thể:

+ “Nền cứng” là nền nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vữa xi măng - cát, bê tông, gạch lát, gỗ;

+ “Khung cứng” bao gồm hệ thống khung, cột, tường kể cả móng đỡ. Tùy điều kiện cụ thể, khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch/đá hoặc làm từ gỗ bền chắc; móng làm từ bê tông cốt thép hoặc xây gạch/đá;

+ “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Tùy điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói hoặc lợp bằng các loại tấm lợp có chất lượng tốt như tôn, phi brô xi măng.

+ Tùy điều kiện thực tế, các bộ phận nhà ở có thể làm bằng các loại vật liệu địa phương có chất lượng tương đương, đảm bảo thời hạn sử dụng. Các địa phương xác định chủng loại vật liệu địa phương cụ thể, báo cáo Bộ Xây dựng xem xét quyết định.

- Diện tích nhà ở (không tính công trình phụ tách rời) tối thiểu đạt 10m^2 /người trở lên. Diện tích tối thiểu một căn nhà từ 24m^2 trở lên. Đối với hộ đơn thân, diện tích tối thiểu một căn nhà từ 18m^2 trở lên.

- Niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên; Đối với nhà ở đã, đang thực hiện hỗ trợ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì niên hạn sử dụng lấy theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đó.

- Khuyến khích phục dựng nhà ở theo phong tục tập quán, truyền thống của địa phương.

b) Đồ đạc, vật dụng trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học và vệ sinh sạch sẽ:

- Phòng ngủ được bố trí gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ, hằng ngày chăn màn phải được gấp gọn gàng, quần áo được gấp hoặc treo gọn gàng phù hợp mỹ quan.

- Khu vực thờ cúng được bài trí, sắp đặt phù hợp theo gia đình nhưng gọn gàng sạch sẽ.

- Bàn ghế, ấm chén uống nước thường xuyên được lau chùi, cọ rửa sạch sẽ hợp vệ sinh và gọn gàng, ngăn nắp.

- Các đồ dùng, dụng cụ lao động phải được vệ sinh sạch sẽ và quy định chỗ để gọn gàng và tiện lợi cho quá trình sử dụng.

c) Số hộ có công trình phụ trợ nhà tắm, bể nước, nhà tiêu, nhà bếp ... được bố trí, ngăn nắp, vệ sinh sạch sẽ; Cổng, ngõ, sân nhà, hàng rào các hộ gia đình được chỉnh trang bảo đảm mỹ quan và phù hợp với phong tục tập quán của địa phương (Có trồng hàng rào cây xanh hoặc trồng hoa, cây cảnh,... ở những khu vực phù hợp) đạt 95%.

- Nhà tắm hợp vệ sinh: Tùy theo điều kiện thực tế của từng hộ gia đình có thể thiết kế nhà tắm bằng những vật liệu sẵn có tại địa phương đảm bảo sạch sẽ, hợp vệ sinh (có mái che, có rào kín, thông thoáng, dễ thoát nước).

- Bể chứa nước hợp vệ sinh: Bể chứa nước cần thường xuyên vệ sinh cọ rửa có nắp đậy và xây dựng cách xa các nguồn ô nhiễm tối thiểu 5m đảm bảo không làm ô nhiễm.

- Nhà tiêu: Khuyến khích các hộ gia đình xây dựng nhà vệ sinh tự hoại, tự thấm; trường hợp điều kiện khó khăn thì có thể xây dựng nhà tiêu 2 ngăn.

- Vệ sinh trong từng hộ đảm bảo 03 sạch:

+ Sạch nhà: Trong nhà nền nhà phải sạch sẽ thường xuyên quét dọn không có rác; bàn ghế ấm chén sạch không bụi bẩn, giường chiếu, chăn màn, quần áo được giặt dũ sạch sẽ; đồ đạc được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp khoa học.

+ Sạch bếp: Trong bếp phải quét dọn gọn gàng, dụng cụ nấu nướng bát đĩa phải được rửa sạch và có nơi để đảm bảo vệ sinh.

+ Sạch ngõ: Sân, cổng thường xuyên được quét dọn không có rác. Hàng rào cắt tỉa gọn gàng. Rác thải, nước thải phải được thu gom, xử lý, không đổ thải tràn lan, vứt ra nơi công cộng.

d) Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định đạt 100%.

Các hộ gia đình trong Khu dân cư xây dựng công trình chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường (không gây mất cảnh quan, bốc mùi hôi thối), đảm bảo các điều kiện sau:

- Nằm cách biệt có tường ngăn xa nhà, xa nguồn nước sinh hoạt và cuối chiều gió tối thiểu 5m (QCVN 01:2014/BXD của Bộ Xây dựng - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy hoạch xây dựng).

- Không gây ô nhiễm đất, nguồn nước ngầm và nguồn nước mặt xung quanh.

- Khuyến khích các hộ gia đình xây dựng hầm bể biogas để xử lý chất thải chăn nuôi, hoặc xây dựng mô hình VAC.

1.2. Vườn hộ gia đình

- Vườn hộ gia đình được chỉnh trang, cải tạo hợp lý, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp lựa chọn các loại cây trồng phù hợp phục vụ sinh hoạt hoặc các loại cây trồng có giá trị kinh tế nâng cao thu nhập; phải được chăm sóc thường xuyên, không để cây cỏ dại mọc trong vườn, khuyến khích bố trí hệ thống tưới, tiêu nước cho vườn; nếu vườn có diện tích rộng, khuyến khích bố trí lối đi trong vườn, đảm bảo sạch sẽ tạo không gian, cảnh quan đẹp cho vườn.

2. Tiêu chí số 02: Đường giao thông.

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Đường giao thông khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

2.1. Đường trục thôn, ngõ xóm trong khu dân cư được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa, lát gạch, lát đá...), lề đường thường xuyên được phát quang, khơi thông nước đọng, có hệ thống rãnh thoát nước hợp lý được nạo vét thường xuyên để đảm bảo sạch sẽ, thoát nước tốt vào mùa mưa, không gây ú đọng. Đạt 100%.

Đường trục thôn, ngõ xóm có quy mô tối thiểu đường phải đạt từ cấp C trở lên, cụ thể:

- + Bề rộng nền đường 3,0m;

- + Bề rộng mặt đường 2,0m;

- + Chiều dày mặt đường tối thiểu 15 cm.

- + Bảo đảm thoát nước, không đọng nước gây ô nhiễm.

- + Đối với đường trục thôn có bề rộng mặt đường từ 2-3m; có bố trí điểm tránh xe hợp lý để đảm bảo an toàn và giao thông.

2.2. Các tuyến đường trục thôn, ngõ xóm chính trong khu dân cư có hệ thống điện chiếu sáng trên các tuyến đường chính của thôn, xóm trong khu dân cư được chiếu sáng vào ban đêm; đảm bảo an toàn và mỹ quan, phù hợp đạt 100%.

2.3. Đường trục thôn, ngõ xóm trong khu dân cư được xanh hóa bằng các hình thức phù hợp như: Trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hoặc trồng cây leo bám phủ xanh hàng rào cứng, trồng cây bóng mát bên đường,... đạt 70% . Có thể trồng các cây như: Cây chuối ngọc, Cây ắc ó; Cây dâm bụt; Cây

đuôi; Cây cúc tần; Cây ngâu; Cây nguyệt quế; Cây găng vàng; Cây chè xanh; Cây trúc nhật; Cây Trạng nguyên, Cây ngũ gia bì... Ưu tiên chọn những loài cây bản địa tán đẹp, ít gây đổ, ít sâu bệnh, rễ phát triển. Các tiêu chuẩn cần lựa chọn linh hoạt phù hợp với từng khu dân cư và thường xuyên chăm sóc, cắt tỉa gọn gàng; Đối với những hàng rào cứng sẵn có, có thể trồng các loại cây leo bám, phủ xanh hàng rào. Khuyến khích trồng thêm các loại cây xanh, cây hoa tạo không gian xanh, bóng mát trong khu dân cư như cây ngũ gia bì, hoa giấy... (Trường hợp không có quỹ đất để trồng cây xanh có thể thực hiện bằng hình thức vẽ tranh trên tường, tuy nhiên chỉ nên lựa chọn thực hiện ở một số vị trí mang tính điểm nhấn để tạo cảnh quan, không nên thực hiện vẽ tranh tường trên toàn tuyến).

Tuyến đường trực chính trong khu dân cư khuyến khích bố trí các Pa nô, khẩu hiệu tuyên truyền về các chủ trương chính sách của đảng và nhà nước; bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới...

2.4. Các tuyến đường trực chính của khu dân cư được giao cho các tổ chức đoàn thể và các hộ gia đình đảm nhận tự quản để thực hiện duy tu, sửa chữa phát quang đảm bảo tầm nhìn đạt 100%.

Duy trì quét dọn, phát quang đảm bảo đường luôn sạch sẽ, thông thoáng (thực hiện theo hương ước, quy ước của thôn)

Lưu ý: Đánh giá cụ thể về quy mô đường giao thông nông thôn: Đối với đoạn đường đang sử dụng nơi nào mặt đường hẹp không thể mở rộng được theo quy định thì có thể cải tạo tận dụng diện tích 2 bên để mở rộng mặt đường tối đa và đảm bảo các điều kiện trên thì coi là đạt chỉ tiêu và tiêu chí.

3. Tiêu chí số 03: Nhà văn hóa và khu thể thao thôn

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Nhà văn hóa và khu thể thao thôn khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

3.1. Nhà văn hoá thôn:

a) Có sân khấu trong hội trường phù hợp với diện tích nhà văn hóa; sân khấu có phong, màn sân khấu phù hợp; có bộ trang trí khánh tiết gồm: Cờ Đảng, cờ Tổ Quốc, tượng Bác Hồ, khẩu hiệu; có đầy đủ trang thiết bị âm thanh, ánh sáng.

Thường xuyên vệ sinh, quét dọn các dụng cụ và đồ dùng trong nhà văn hóa thôn. Các khung Bằng khen, Giấy khen, Áp phích tuyên truyền ... nếu có cần được bố trí thẳng hàng, sắp xếp gọn gàng, đẹp mắt (Nếu có treo Cờ Tổ quốc thì cần lưu ý không treo các lá cờ đã phai màu, rách, thủng).

b) Có đủ bàn ghế phục vụ sinh hoạt cộng đồng. Trường hợp khó khăn trước mắt chỉ cần trang bị ghế ngồi và bàn phía trên hội trường (bàn phục vụ cho chủ trì làm việc). Khuyến khích có đủ bàn để phục vụ cho sinh hoạt của thôn.

c) Người dân tham gia hoạt động tại Nhà văn hóa thôn trong năm và thời gian dành cho hoạt động văn hóa vui chơi, giải trí phục vụ trẻ em đạt từ 30% trở lên.

d) Khuôn viên nhà văn hóa đảm bảo xanh sạch đẹp; có trồng cây xanh bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh trong khuôn viên nhà văn hóa. Thường

xuyên chăm sóc, cắt tỉa gọn gàng đẹp mắt. Thường xuyên quét dọn, vệ sinh trong và ngoài nhà văn hóa thôn, đảm bảo sạch sẽ.

đ) Tỷ lệ các hộ dân trong khu được nghe thông tin từ hệ thống loa phát thanh của xã đạt 100%.

Khuyến khích xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

3.2. Khu thể thao thôn:

a) Có khu thể thao đạt chuẩn theo quy định. Có trang trí một số dụng cụ thể dục, thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng địa phương.

Tối thiểu có khu thể thao đảm bảo diện tích phục vụ các môn thể thao đơn giản như: Bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền hơi...; có trang bị một số dụng cụ thể dục thể thao như cầu lông, bóng bàn, bóng chuyền hơi...

b) Có các mô hình hoạt động thể thao quần chúng phù hợp (có thể thành lập các tổ, đội, câu lạc bộ thể thao, các tổ, đội thể thao như Đội bóng chuyền hơi, đội cầu lông, bóng bàn, bóng đá...) thu hút từ 60% người dân tham gia.

4. Tiêu chí số 04: Phát triển sản xuất và giảm nghèo

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Phát triển sản xuất và giảm nghèo khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

4.1. Trong khu dân cư có ít nhất từ 02 mô hình sản xuất có hiệu quả trở lên (trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ,...) thu nhập từ 50- 70 triệu đồng/mô hình/năm.

4.2. Tỷ lệ hộ nghèo trong khu dân cư theo chuẩn nghèo đa chiều $\leq 2\%$.

5. Tiêu chí số 05: Văn hóa, Giáo dục, Y tế

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Văn hóa, Giáo dục, Y tế khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

5.1. Văn hoá:

a) 100% hộ gia đình trong khu đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hoá.

b) 100% người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

c) Có mô hình hoạt động văn hóa- văn nghệ quần chúng thu hút từ 60% trở lên người dân tham gia và trong thôn có ít nhất một đội hoặc một câu lạc bộ văn hóa- văn nghệ hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.

5.2. Giáo dục:

a) Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo trong khu dân cư đạt 100%

b) Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi đạt 100%.

c) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học các cấp bậc học (Trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên) hoặc học nghề đạt từ 95% trở lên.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và học nghề được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số học sinh tiếp tục học trên tổng số học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở.

d) 100% Dân số trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động của khu dân cư có việc làm thường xuyên.

Lao động có việc làm trong độ tuổi lao động của Khu dân cư là số người trong độ tuổi lao động có tên trong sổ hộ khẩu thường trú hoặc sổ tạm trú, trong thời gian tham chiếu có làm bất cứ việc gì (không bị pháp luật cấm) từ 01 giờ trở lên để tạo ra các sản phẩm hàng hóa hoặc cung cấp các dịch vụ nhằm mục đích tạo thu nhập cho bản thân và gia đình.

Người có việc làm bao gồm cả những người không làm việc trong tuần nghiên cứu nhưng đang có một công việc và vẫn gắn bó chặt chẽ với công việc đó (vẫn được trả lương/công trong thời gian không làm việc hoặc chắc chắn sẽ quay trở lại làm việc sau thời gian không quá 01 tháng).

Ngoài ra, những trường hợp sau đây cũng được coi là người có việc làm:

- Người làm việc để nhận tiền lương, tiền công hay lợi nhuận nhưng đang tham gia các hoạt động tập huấn, đào tạo hoặc các hoạt động nâng cao kỹ năng do yêu cầu của công việc trong đơn vị;

- Người học việc, tập sự (kể cả bác sỹ thực tập) làm việc và có nhận được tiền lương tiền công;

- Người làm việc trong các hộ/cơ sở kinh tế của chính họ để sản xuất ra các sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ;

- Sinh viên/học sinh/ người nghỉ hưu trong thời gian tham chiếu có làm một công việc từ 01 giờ trở lên để có tạo thu nhập;

- Người đăng ký hoặc người nhận bảo hiểm thất nghiệp nhưng trong thời kỳ tham chiếu có làm một công việc từ 01 giờ trở lên để tạo thu nhập;

- Người làm việc vì mục đích tiền công, tiền lương hoặc lợi nhuận nhưng các khoản tiền lương, tiền công và lợi nhuận đó có thể không trả trực tiếp cho họ mà được tích lũy vào thu nhập chung của gia đình họ, bao gồm:

- Người làm việc trong các đơn vị kinh doanh được tổ chức bởi một thành viên gia đình đang sống cùng hộ hoặc khác hộ;

- Người thực hiện các phần việc, nhiệm vụ của một công việc làm công ăn lương được tổ chức bởi một thành viên gia đình đang sống cùng hộ hoặc khác hộ

5.3. Y tế

- Tỷ lệ người dân trong khu dân cư tham gia BHYT đạt từ 95% trở lên.

6. Tiêu chí số 06: Vệ sinh môi trường.

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Vệ sinh môi trường khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

6.1. Tỷ lệ hộ dân trong khu dân cư được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, nước sạch đạt từ 55% trở lên.

* Nước hợp vệ sinh: Là nước sử dụng trực tiếp hoặc sau lọc thoả mãn các điều kiện: trong, không màu, không mùi, không vị. Ngoài ra cần kết hợp với những quan sát theo hướng dẫn dưới đây:

- Nước máy hợp vệ sinh là nước từ các công trình cấp nước tập trung (tự chảy, bơm dẫn) có hệ thống đường ống cung cấp nước cho nhiều hộ gia đình thoả mãn điều kiện: Trong, không màu, không mùi, không vị.

- Giếng đào hợp vệ sinh: Giếng đào phải nằm cách nhà tiêu, chuồng gia súc hoặc nguồn gây ô nhiễm khác ít nhất 10m. Thành giếng cao tối thiểu 0,6m được xây bằng gạch, đá và thả ống buy sâu ít nhất 3m kể từ mặt đất. Sân giếng phải làm bằng bê tông hoặc lát gạch, đá, không bị nứt nẻ.

- Giếng khoan hợp vệ sinh: Giếng khoan phải nằm cách nhà tiêu, chuồng gia súc hoặc nguồn gây ô nhiễm khác. Sân giếng phải làm bằng bê tông hoặc lát gạch, đá, không bị nứt nẻ.

- Các nguồn nước hợp vệ sinh khác: Nước suối, nước mặt, nước mưa và nước mạch lộ hợp vệ sinh.

- Khuyến cáo: Nước mưa thu hứng từ mái Fibro xi măng có chất amiăng, khi sử dụng có nguy cơ gây bệnh ung thư, do đó khuyến cáo không được dùng cho ăn uống và không được xếp vào loại nước hợp vệ sinh”.

b) Nước sạch (cũng là nước hợp vệ sinh): Là nước đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt - QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 17/6/2009. *(Do cơ quan chuyên môn thực hiện và thông báo cho xã; Kết quả xét nghiệm mẫu nước có giá trị trong thời hạn 01 năm).*

6.2. Ban hành quy ước riêng hoặc gắn quy ước bảo vệ môi trường vào trong các quy ước/hương ước chung thôn, trong đó quy định thường xuyên định kỳ ít nhất 02 lần/01 tháng trở lên (mỗi tháng ít nhất 02 lần trở lên) tổ chức ra quân tổng vệ sinh thu gom, xử lý chất thải (chất thải rắn, nước thải), phát quang đường làng, ngõ xóm trong khu dân cư vận chuyển đến địa điểm xử lý phù hợp đảm bảo quy định về môi trường. Đồng thời, giao trách nhiệm cho các hộ gia đình gắn với xét công nhận gia đình văn hóa, trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở trong việc thực hiện hoàn thành hoặc không hoàn thành nhiệm vụ hàng năm, nhằm đảm bảo duy trì vệ sinh môi trường xanh-sạch-đẹp, thì được coi đây là mô hình bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả thu hút được sự tham gia của cộng đồng.

6.3. Nước thải của từng hộ gia đình trong khu dân cư phải có mương hoặc ống có kết cấu đảm bảo chống thấm, có kích thước phù hợp để thu gom dẫn về khu vực có công trình (theo điều kiện cụ thể có thể bố trí xây dựng hố ga, hố

lắng...) để xử lý qua lắng lọc đáp ứng được mục đích sử dụng không làm ô nhiễm môi trường trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Từng hộ gia đình trong khu dân cư phải bố trí có thiết bị (thùng hoặc xô,...) để thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt ngay từ các hộ gia đình, sau đó tùy theo khối lượng phát sinh cụ thể phải có phương án định kỳ hàng ngày, hàng tuần hoặc hàng tháng chuyển đến vị trí xử lý đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, không để xảy ra hiện tượng vứt rác thải ra nơi công cộng.

6.4. Chính quyền địa phương cấp xã chỉ đạo các thôn có khu dân cư nông thôn kiểu mẫu tổ chức cho từng hộ gia đình phải ký cam kết bằng văn bản về nội dung tham gia bảo vệ môi trường, không làm gây ô nhiễm môi trường. Thời điểm ký cam kết dựa theo tình hình thực tế mà khu dân cư đó bắt đầu hình thành khu dân cư kiểu mẫu; tỷ lệ hội viên hội phụ nữ thực hiện có hiệu quả cuộc vận động gia đình “5 không- 3 sạch” đạt 100%.

- Khu dân cư kiểu mẫu thành lập tổ tự quản về bảo vệ môi trường (thành phần: Đại diện các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, đại diện thôn, phân công rõ Tổ trưởng, tổ phó) có quy chế duy trì hoạt động, hàng năm đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện.

6.5. Chính quyền địa phương cấp xã chỉ đạo các thôn có khu dân cư nông thôn kiểu mẫu tổ chức cho từng hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu cư kiểu mẫu phải ký cam kết bằng văn bản về tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Thời điểm ký cam kết dựa theo tình hình thực tế mà khu dân cư đó bắt đầu hình thành khu dân cư kiểu mẫu.

7. Tiêu chí số 07: An ninh, trật tự xã hội và Bình đẳng giới

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí An ninh, trật tự xã hội và Bình đẳng giới khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

7.1. An ninh trật tự đảm bảo, an toàn; không có công dân thường trú tại khu dân cư phạm tội, không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân, không có khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

7.2. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội.

7.3. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

IV. Kinh phí thực hiện xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”

1. Kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình

- Kinh phí hỗ trợ trực tiếp một phần từ nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra UBND các huyện, thành phố, Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp xã và các Ban phát triển thôn và người dân đối ứng kinh phí và kêu gọi các nguồn lực hỗ trợ khác để xây dựng mô hình, đồng thời lồng ghép với các nguồn vốn khác để thực

hiện hỗ trợ xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đảm bảo theo quy định.

* Lưu ý: Các nội dung hỗ trợ xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu từ nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước chỉ mang tính chất khích lệ, làm động lực, ưu tiên hỗ trợ những nội dung khó, mới, Kinh phí hỗ trợ không thực hiện đầu tư vào các hạng mục xây dựng cơ bản mà chủ yếu để hỗ trợ thực hiện các nội dung: Hỗ trợ các hộ dân trong khu dân cư chính trang nhà ở (sân, công, tường rào, các công trình phụ trợ...); xử lý hệ thống nước thải chung trong khu dân cư; hỗ trợ cải tạo vườn tạp, chuồng trại chăn nuôi; hỗ trợ xây dựng hàng rào xanh; trồng cây xanh, trồng hoa, cây bóng mát ở đường trục chính thôn, chính trang nhà văn hóa thôn; lắp đặt điện chiếu sáng đường ở trục chính thôn; hỗ trợ để thực hiện vệ sinh môi trường trong khu dân; lắp biển báo giao thông đầu các trục thôn; lắp pano, áp phích tuyên truyền; mua sắm một số dụng cụ luyện tập thể dục, thể thao ở khu thể thao thôn (nếu thực sự cần thiết); các nội dung cần thiết, phù hợp khác để thực hiện các tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu...

2. Thanh quyết toán nguồn vốn:

Chủ đầu tư thực hiện thanh quyết toán nguồn vốn theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và áp dụng các văn bản khác theo quy định hiện hành.

V. Quy trình công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

1. Căn cứ.

- Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 17/6/2019, của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2019 - 2020.

2. Trình tự thủ tục xét công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

2.1. Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã phối hợp với Ban phát triển tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

2.2. UBND xã tổ chức thẩm tra và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

2.3. UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

3.1. Tổ chức đánh giá:

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã phối hợp với Ban phát triển thôn tổ chức đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng chỉ tiêu, tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, báo cáo Ban chỉ đạo, UBND xã.

3.2. Tổ chức lấy ý kiến:

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã chủ trì phối hợp với Ban phát triển thôn tổ chức họp thôn để lấy ý kiến thống nhất của người dân về việc đề nghị xét, công khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Yêu cầu cuộc họp phải có $\geq 90\%$ số hộ dân trong khu dân cư tham dự, xã lập biên bản cuộc họp ghi rõ kết quả đại diện số hộ dân thống nhất hoặc không thống nhất (bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu) và các ý kiến tham gia khác nếu có.

4. Tổ chức thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

4.1. Tổ chức thẩm tra:

UBND xã thành lập Đoàn thẩm tra (gồm lãnh đạo Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã, cán bộ phụ trách các lĩnh vực liên quan đến nội dung các chỉ tiêu, tiêu chí) để thẩm tra hồ sơ và thực tế mức độ đạt từng tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

4.2. Hoàn thiện hồ sơ:

- Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã) để lấy ý kiến thống nhất danh sách các khu dân cư được đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 90% trở lên số thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã có mặt. UBND xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp huyện.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu: Số lượng 01 bộ hồ sơ.

- Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất trước ngày 15 tháng 11 của năm đề nghị công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu gồm:

(1) Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm định, xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (bản chính, theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo);

(2) Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho từng khu và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (bản chính, theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo);

(3) Biên bản cuộc họp xã (bản chính, theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo);

5. Tổ chức thẩm định, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

5.1. Tổ chức thẩm định:

UBND cấp huyện thành lập Đoàn thẩm định khu dân cư nông thôn kiểu mẫu (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và các thành viên là đại diện lãnh đạo các đơn vị chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách tiêu chí nông thôn mới) để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của các khu dân cư đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo, UBND cấp huyện.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của UBND cấp xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND cấp xã, thôn về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của từng thôn trên địa bàn từng xã; nêu rõ lý do thôn chưa được xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

5.2. Tổ chức xét, công nhận:

UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (gọi tắt Hội đồng thẩm định) gồm đại diện các đơn vị chuyên môn cấp huyện có liên quan. Hội đồng thẩm định tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho từng khu (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 90% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt); Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định dự họp phải đạt tỷ lệ từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định;

5.3. Hồ sơ trình Chủ tịch UBND huyện, thành phố đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu gồm:

(1) Tờ trình của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện (bản chính, theo Phụ lục 06 ban hành kèm theo);

(2) Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (bản chính, theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo);

(3) Biên bản cuộc họp xét công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của UBND cấp huyện (bản chính, theo Phụ lục 08 ban hành kèm theo);

(4) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của xã.

6. Tổ chức công bố

Việc công nhận, công bố khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu được thực hiện công khai trên Đài Truyền thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của huyện.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Các hộ dân tham gia thực hiện mô hình

- Chủ động đề xuất phương án xây dựng đường giao thông nông thôn, chỉnh trang nhà cửa, cổng, tường rào, các công trình phụ trợ, cải tạo vườn tạp, di dời trường trại..., của hộ gia đình.

- Cam kết thực hiện đúng, đủ các nội dung đảm bảo tiến độ, thời gian cụ thể và trực tiếp thực hiện theo phương án đề xuất đã được duyệt với tinh thần tự nguyện, tự giác, chủ động. Cam kết đối ứng kinh phí của gia đình, kết hợp với kinh phí hỗ trợ của nhà nước các nội dung theo phương án đề xuất được duyệt.

- Tăng cường và chủ động bàn bạc, thảo luận, đề xuất phương án thực hiện nội dung công việc chung trong khu dân cư; tham gia nhiệt tình, có trách nhiệm để thực hiện các nội dung công việc chung trong khu dân cư.

2. Cấp thôn

- Chủ động lựa chọn mô hình thực hiện trong xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu” và xây dựng nội dung, phương án, kế hoạch, dự toán thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế tại địa bàn với phương châm dân biết, dân bàn, dân quyết định, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng lợi, nhà nước và các tổ chức chỉ định hướng, hỗ trợ và giúp đỡ.

- Tuyên truyền sâu rộng mục đích, ý nghĩa, mục tiêu, kế hoạch thực hiện xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; những nội dung cơ bản phải thực hiện để cán bộ đảng viên và người dân hiểu rõ và chủ động tham gia; xây dựng các phong trào trong các Hội, đoàn thể và toàn dân chung tay xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”.

- Chủ động thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm của cấp thôn cần ưu tiên các công việc như: Chỉnh trang đường làng, ngõ xóm tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp; xử lý nước thải chung trong khu dân cư; hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các hộ gia đình trong khu dân cư chỉnh trang nhà ở, vườn hộ và chuồng trại... theo đúng tiến độ.

- Phân công trách nhiệm các tổ chức, cá nhân chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung công việc thuộc trách nhiệm của thôn; kiểm tra, giám sát, đôn đốc, và nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung công việc đã hoàn thành của thôn và các hộ trong khu dân cư.

3. Cấp xã

- Phối hợp với Ban phát triển thôn và các hộ gia đình thống nhất các nội dung thực hiện trong khu dân cư xây dựng phương án, dự toán thực hiện báo cáo Ban chỉ đạo các chương trình MTQG, Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp huyện, ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án, dự toán và kế hoạch chỉ đạo, triển khai thực hiện xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”

- Trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các nội dung trong xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tìm kiếm, kêu gọi huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp ủng hộ, hỗ trợ xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”. Động viên, khen thưởng kịp thời những cá nhân, hộ gia đình điển hình, tiêu biểu trong xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”.

- Chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá kết quả thực hiện xây dựng mô hình nông thôn kiểu mẫu theo các nội dung, phương án đã được duyệt.

4. Cấp huyện

- Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG cấp huyện: Chỉ đạo Văn phòng Điều phối, các phòng ban, tổ chức liên quan, trực tiếp tư vấn, hỗ trợ, góp ý xã, thôn thực hiện các nội dung liên quan đến chuyên môn phụ trách trong suốt quá trình triển khai xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”; huy động lồng ghép, kêu gọi các nguồn lực hỗ trợ các nội dung xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”.

- Văn phòng Điều phối cấp huyện phân công cán bộ chuyên trách trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, tư vấn, giúp đỡ các xã thôn thực hiện các nội dung trong xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu” trên địa bàn huyện.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, đánh giá và ban hành quyết định công nhận các khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

5. Cấp tỉnh.

- Đề nghị Các Sở, Ban, ngành, tổ chức đoàn thể tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ các huyện, xã, thôn thực hiện các nội dung xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”.

Hướng dẫn này thay thế văn bản số 107/HD-VPĐP ngày 17/5/2017 của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh về Hướng dẫn tạm thời thực hiện xây dựng “ Khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”

Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu” áp dụng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2020.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh(B/c)
- Ban Chỉ đạo XD NTM tỉnh(B/c);
- Các Sở, Ban ngành(thành viên BCD);
- UBND các huyện, Thành phố;
- VPĐP XD NTM các huyện, TP;
- Lãnh đạo VPĐP;
- KTHT, KHTT, HCTH;
- Lưu VT._(NND)

CHÁNH VĂN PHÒNG

**Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT
Lý Việt Hưng**

Phụ lục 01

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../UBND-...

....., ngày tháng năm

V/v đăng ký “khu dân cư
nông thôn mới kiểu mẫu” năm
.....

Kính gửi: UBND huyện

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2019 – 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá thực tế mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và văn bản đăng ký của Ban Phát triển thôn các thôn.....

Tính đến tháng năm, xã có thôn điều kiện phấn đấu đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu gồm:

Thôn đạt/.....(tổng số) tiêu chí, đạt%

Thôn đạt/.....(tổng số) tiêu chí, đạt%

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn các thôn nêu trên, Ủy ban nhân dân xã đăng ký và cam kết thôn nêu trên sẽ thực hiện hoàn thành các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định trong năm..... để được công nhận “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu số 02:
UBND XÃ.....
BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG
TRÌNH XÂY DỰNG NTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../TTr-....

.....Ngàytháng.....năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc phương án thực hiện xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu” tại
thôn.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện.....

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Thực hiện Kế hoạch số ../KH-UBND ngày .././.... của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn năm 2020;

2. Căn cứ Quyết định số ../QĐ-UBND ngày .././2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về Phê duyệt kế hoạch phân bổ chi tiết Chương trình mục tiêu quốc gia năm 202...;

3. Căn cứ Quyết định số ngày /.../...../2020 của UBND huyện về phê duyệt kế hoạch phân bổ kinh phí..... năm 202...;

4. Căn cứ Hướng dẫn số...../HD-VPĐP ngày...../...../2020 của Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn về Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2020;

5. Căn cứ.....

.....(BQL xây dựng).....Xãtrình Ủy ban nhân dân huyện..... phương án thực hiện xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu” tại thôn..... như sau:

II. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tên mô hình:

2. Địa điểm thực hiện:

3. Tổng diện tích khu (thôn) thực hiện:

4. Số hộ trong khu (thôn):....., trong đó số hộ chính sách.....hộ, hộ nghèo,....., hộ cận nghèo.....

5. Số hộ đăng ký tham gia:, trong đó số hộ chính sách.....hộ, hộ nghèo,....., hộ cận nghèo.....

6. Thời gian thực hiện: Từ ngày..... tháng..... năm 2020 đến ngày tháng....năm 2020.

7. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện: Văn phòng Điều phối huyện, các phòng ban chuyên môn cấp huyện.

8. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Xây dựng NTM xã

9. Tổ chức, đơn vị thực hiện: Thôn....., xã....., huyện.....

10. Tổng kinh phí thực hiện mô hình:....., trong đó hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước năm 2020....., vốn lồng ghép từ các chương trình khác,.....vốn của dân....., và vốn khác,.....

11. Nội dung đăng ký thực hiện xây dựng năm 2020:.....

III. ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

1. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng các hộ:

1.1. Nhà ở: Tổng số nhà:....., trong đó số nhà đạt chuẩn,..... nhà, số nhà chưa đạt chuẩn,.....

1.2. Công trình phụ:

- Số nhà có nhà tắm:....., trong đó: Xây dựng cố định:.....nhà, tạm thời và chưa đạt chuẩn.....nhà. Số nhà chưa có nhà tắm.....

- Số nhà có nhà vệ sinh: trong đó: Đạt chuẩn.....nhà, chưa đạt chuẩn.....nhà. Số nhà chưa có nhà vệ sinh.....

- Chuồng trại chăn nuôi: Số nhà đạt chuẩn....., số nhà chưa đạt chuẩn..... Thu nhập từ chăn nuôi các hộ: Số hộ có thu nhập từ 100 triệu đồng/năm trở lên.....; số hộ có thu nhập từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.....; số hộ có thu nhập từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng.....; số hộ có thu nhập dưới 20 triệu đồng....., số hộ không có thu nhập từ chăn nuôi.....

- Ngõ vào nhà: Số nhà ngõ đã được cứng hóa....., số nhà chưa được cứng hóa....., số km²

1.3. Vườn hộ:

- Số hộ có vườn, rừng từ 1.000m² trở lên.....

- Số hộ có vườn, rừng dưới 1.000m².....

- Số hộ có thu nhập vườn, rừng từ 100 triệu đồng/năm trở lên.....; số hộ có thu nhập từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.....; số hộ có thu nhập từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng.....; số hộ có thu nhập dưới 20 triệu đồng....., số hộ không có thu nhập từ chăn nuôi.....

1.4. Hàng rào:

- Số km hàng rào tiếp giáp giữa hộ gia đình và đường giao thông trong thôn (khu)....., trong đó: Số km hàng rào cứng hóa....., số km hàng rào xanh phù hợp với quy định,....., số km hàng rào tạm.....

2. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng các nội dung ngoài hộ gia đình của khu (Thôn)

2.1. Đường giao thông:

- Tổng km đường của khu (thôn):.....
- +) Đường trục xã:.....km, số km đạt chuẩn....., số km chưa đạt chuẩn.....
- +) Đường trục thôn:.....km, số km đạt chuẩn....., số km chưa đạt chuẩn, nội dung chưa đạt.
- +) Đường ngõ xóm:km, số km đạt chuẩn....., số km chưa đạt chuẩn, nội dung chưa đạt.
- Số km các loại đường có hệ thống điện chiếu sáng....., số km chưa có điện chiếu sáng.....
- Số km các loại đường có trồng cây xanh bóng mát....., số km chưa có.....

2.2. Nhà văn hóa và khu thể thao thôn: Đạt hay chưa đạt:.....

2.3. Vệ sinh môi trường trong thôn: Đạt hay chưa đạt:.....

2.4. Thu nhập các hộ trong thôn: Số hộ có thu nhập bình quân đầu người/hộ/năm đạt từ 36 triệu đồng trở lên....., số hộ dưới 36 triệu đồng.....

2.5. Văn hóa- giáo dục- y tế: Đạt hay chưa đạt:.....

2.6. Hệ thống chính trị, an ninh trật tự xã hội:.....

3. Đánh giá chung về kết quả khảo sát các nội dung của thôn (khu):.....

IV. NỘI DUNG XÂY DỰNG “KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU”

Căn cứ kết quả khảo sát và nội dung lựa chọn thực hiện xây dựng “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu” trong năm 2020 Ban quản lý xã đưa ra những nội dung công việc cụ thể, chi tiết cần thực hiện, hỗ trợ và chỉ rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện, thời gian thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

.....

Phụ lục 03

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

Số:/TTTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định, xét công nhận khu.....đạt chuẩn khu dân cư nông thôn kiểu mẫu năm.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố.....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2019 – 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND huyện về việc thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho thôn

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20.... của UBND xã Về việc đề nghị xét, công nhận thôn/khu đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu;

UBND xã kính trình UBND huyện/thành phố thẩm định, xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm định, xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (bản chính)

2. Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đối với thôn (bản chính);

3. Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận khu đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (bản chính).

4. Kèm theo hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của thôn ...

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thành phố xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT.

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Số:...../BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của thôn năm

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2019 – 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Tờ trình ngày.../..... 20... của thôn về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, UBND xã báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho thôn năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

1. Về hồ sơ

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của thôn..... đã được UBND xã thẩm tra đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tính đến thời điểm thẩm tra là:/..... tiêu chí, đạt%.

(kèm theo biểu kết quả thẩm tra các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của thôn)

III. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-
-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU**

của thôn, xã huyện.....

(Kèm theo Báo cáo số: /BC- UBND ngày / /20... của UBND xã.....)

T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo báo cáo của xã	Kết quả thẩm tra
	Nhà ở và vườn hộ gia đình	1.1. Nhà ở và công trình phụ trợ			
		a) Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo Quy định của Bộ Xây dựng.	≥ 90%		
		b) Đồ đạc, vật dụng trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và vệ sinh sạch sẽ.	Đạt		
		c) Số hộ có công trình phụ trợ nhà tắm, bể nước, nhà tiêu, nhà bếp ... được bố trí ngăn nắp, vệ sinh sạch sẽ; cổng, ngõ, sân nhà, hàng rào được chỉnh trang bảo đảm mỹ quan và phù hợp với phong tục tập quán của địa phương (có trồng hàng rào cây xanh hoặc trồng hoa, cây cảnh... ở những khu vực phù hợp).	≥ 95%		
		d) Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.	100%		
		1.2. Vườn hộ gia đình			
		<i>Số hộ có vườn được chỉnh trang, cải tạo hợp lý, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp lựa chọn các loại cây trồng phù hợp phục vụ sinh hoạt hoặc các loại cây trồng có giá trị kinh tế nâng cao thu nhập.</i>	100%		
	Đường giao thông	2.1. Đường trục thôn, ngõ xóm trong khu dân cư được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa, lát gạch, lát đá...), có hệ thống thoát nước hai bên đường, hoặc các rãnh xương cá trên phần lề đường để bảo đảm thoát nước tốt vào mùa mưa, không gây ứ đọng.	100%		
		2.2. Các tuyến đường trục thôn, ngõ xóm chính trong khu dân cư có điện chiếu sáng.	100%		
		2.3. Đường trục thôn, ngõ xóm trong khu dân cư được xanh hóa bằng các hình thức phù hợp như: Trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hoặc trồng cây leo bám phủ xanh hàng rào cứng, trồng cây bóng mát bên đường,...	70%		

T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo báo cáo của xã	Kết quả thẩm tra
		2.4. Các tuyến đường trục chính của khu dân cư được giao cho các tổ chức đoàn thể và các hộ gia đình đảm nhận tự quản để thực hiện duy tu, sửa chữa phát quang đảm bảo tầm nhìn.	100%		
	Nhà văn hóa và Khu thể thao thôn	3.1. Nhà văn hoá thôn:			
		a) Có sân khấu trong hội trường phù hợp với diện tích nhà văn hóa; sân khấu có phông, màn sân khấu phù hợp; có bộ trang trí khánh tiết gồm: Cờ Đảng, cờ Tổ quốc, tượng Bác Hồ, khẩu hiệu; có đầy đủ trang thiết bị âm thanh, ánh sáng.	Đạt		
		b) Có đủ bàn ghế phục vụ sinh hoạt cộng đồng.	Đạt		
		c) Người dân tham gia hoạt động tại Nhà văn hóa thôn trong năm; thời gian dành cho hoạt động văn hóa vui chơi, giải trí phục vụ trẻ em.	$\geq 30\%$		
		d) Khuôn viên nhà văn hóa đảm bảo xanh sạch đẹp; có trồng cây xanh bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh trong khuôn viên nhà văn hóa.	Đạt		
		đ) Tỷ lệ các hộ dân trong khu dân cư được nghe thông tin từ hệ thống loa phát thanh của xã.	100%		
		3.2. Khu thể thao thôn:			
		a) Có khu thể thao đạt chuẩn theo quy định. Có trang bị một số dụng cụ thể dục thể thao, phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương.	Đạt		
		b) Có mô hình hoạt động thể thao quần chúng phù hợp (tổ, đội, câu lạc bộ...) thu hút từ 60% trở lên người dân tham gia.	Đạt		
	Phát triển sản xuất và giảm nghèo	4.1. Trong khu dân cư có ít nhất từ 02 mô hình sản xuất có hiệu quả trở lên (trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ,...) thu nhập từ 50-70 triệu đồng/mô hình/năm.	Đạt		
		4.2. Tỷ lệ hộ nghèo trong khu dân cư theo chuẩn nghèo đa chiều	$\leq 2\%$		
		5.1. Văn hoá:			
		a) Tỷ lệ hộ gia đình trong khu dân cư đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hoá.	100%		

T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo báo cáo của xã	Kết quả thẩm tra
	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	b) Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.	100%		
		c) Có mô hình hoạt động văn hóa – văn nghệ quần chúng thu hút từ 60% trở lên người dân tham gia và trong thôn có ít nhất một đội hoặc một câu lạc bộ văn hóa- văn nghệ hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.	Đạt		
		5.2. Giáo dục:			
		a) Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo trong khu dân cư	100%		
		b) Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1; tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi.	100%		
		c) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học các cấp bậc học (Trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên hoặc học nghề...)	≥ 95%		
		d) Dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của khu dân cư có việc làm thường xuyên	100%		
		5.3. Y tế: Tỷ lệ người dân trong khu dân cư tham gia bảo hiểm y tế	≥ 95%		
	Vệ sinh môi trường	6.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch trong khu dân cư	Nước hợp vệ sinh 100%; nước sạch ≥55%		
		6.2. Đường làng ngõ xóm trong khu dân cư thường xuyên được phát dọn vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo yêu cầu sáng - xanh - sạch - đẹp; có quy ước vệ sinh môi trường của khu dân cư; có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả thu hút được sự tham gia của cộng đồng.	Đạt		
		6.3. Nước thải của các hộ gia đình trong khu dân cư được xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường. Rác thải phải được thu gom, phân loại, xử lý ngay từ hộ gia	Đạt		

T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo báo cáo của xã	Kết quả thẩm tra
		<p>đình, không có việc vứt rác thải ra nơi công cộng;</p> <p>6.4. Tỷ lệ hộ gia đình có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường; tỷ lệ hội viên hội phụ nữ thực hiện có hiệu quả cuộc vận động gia đình “5 không-3 sạch”.</p> <p>6.5. Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm</p>	100%		
	An ninh, trật tự xã hội và Bình đẳng giới	<p>7.1. An ninh trật tự đảm bảo, an toàn, không có công dân thường trú tại khu dân cư phạm tội; không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân, khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật</p> <p>7.2. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội.</p> <p>7.3. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội</p>	Đạt		

Phụ lục 05

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**Họp đề nghị xét, công nhận khu dân cư
đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu**

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2019 - 2020.

Căn cứ báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của thôn năm

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày / / tại UBND xã (huyện, tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Đoàn thẩm tra tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của xã báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của thôn;

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thôn

-

-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận thôn đạt Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày / /, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu kèm hồ sơ gửi UBND huyện bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 06

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN**

**VĂN PHÒNG
ĐIỀU PHỐI NTM**

Số:/TTTr-VPĐP

....., ngày tháng năm 20.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ TRÌNH

**Về việc, đề nghị xét, công nhận thôn
đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện.....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2019 - 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ Báo cáo số/BC-HĐTĐ ngày/...../20..... của Hội đồng thẩm định thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu huyện về việc thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho thôn

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày//20.... của Hội đồng thẩm định huyện Về việc xét, công nhận thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm

Xét đề nghị của UBND xã..... tại tờ trình số...../TTTr-UBND ngày/...../20.... Về việc thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm

Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện kính trình Chủ tịch UBND huyện xem xét, công nhận thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

(1) Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của thôn (bản chính);

(3) Biên bản cuộc họp xét công nhận thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của UBND cấp huyện (bản chính);

(4) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của xã. ...

Kính đề nghị Chủ tịch UBND huyện/thanh phố xem xét, quyết định thôn..... đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 07
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN
ĐOÀN THẨM ĐỊNH THÔN ĐẠT
CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-ĐTĐ

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Về việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của thôn ...năm.....

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2019 - 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ Tờ trình số...../TTr-UBND ngày/...../20.... của UBND xã..... Về việc thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả thẩm định Hồ sơ và thực hiện các tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho thôn năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí

2.2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí

n. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

- Tổng số tiêu chí .../...tiêu chí đã được HĐĐTĐ huyện/thành phố thẩm định đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt%.

III. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-
-
-
- Lưu: VT,

TM. ĐOÀN THẨM ĐỊNH
TRƯỞNG ĐOÀN
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 08

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp thẩm định xét đề nghị công nhận thônđạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm.....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2019 – 2020.

Căn cứ Tờ trình số...../TTr-UBND ngày/...../20.... của UBND xã..... Về việc thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... UBND huyện tổ chức họp xét đề nghị công nhận thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;
-
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Hội đồng thẩm định trình bày Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của thôn

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thôn

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày/ / , đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: Lưu hồ sơ trình Chủ tịch UBND huyện bản. Biên bản được thông qua các thành viên Hội đồng cùng nghe./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)